TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 11/11/2023

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB8054	Hồ Thị	Ái	02/11/2002	Bình Phước	9,67	8,5	Đạt	
2	BKCB8055	Lê	Alic	12/7/2003	Tiền Giang	6,0	6,0	Đạt	
3	BKCB8056	Nguyễn Thị Thúy	An	11/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,33	Đạt	
4	BKCB8057	Võ Lê Diễm	An	26/02/2003	Bến Tre	9,0	7,0	Đạt	
5	BKCB8058	Trần Dĩ	Ân	13/10/2004	Tây Ninh	8,0	6,67	Đạt	
6	BKCB8059	Hà Tuấn	Anh	21/5/2003	Đồng Nai	7,67	7,0	Đạt	
7	BKCB8060	Hồ Viết	Anh	16/3/1998	Bình Phước	7,67	9,17	Đạt	
8	BKCB8061	Lê Nguyễn Kim	Anh	29/3/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,17	Đạt	
9	BKCB8062	Nguyễn Thị Xuân	Anh	12/02/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,5	Đạt	
10	BKCB8063	Phạm Thị Vân	Anh	10/11/2003	Tây Ninh	7,33	6,67	Đạt	
11	BKCB8064	Trần Mai Minh	Anh	30/01/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	6,83	Đạt	
12	BKCB8065	Trần Phương	Anh	07/3/2005	Thái Bình	6,67	6,33	Đạt	
13	BKCB8066	Trần Thị Lan	Anh	12/11/2002	Phú Yên	6,67	6,33	Đạt	
14	BKCB8067	Võ Thị Huỳnh	Anh	14/02/2002	Đồng Tháp	6,33	5,67	Đạt	
15	BKCB8068	Trương Nguyễn Yến	Chi	23/11/2002	Đắk Lắk	5,0	5,83	Đạt	
16	BKCB8069	Dương Phương	Chinh	30/7/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	5,67	Đạt	
17	BKCB8070	Nguyễn Minh	Chuyên	16/3/2001	Thái Bình				Vắng
18	BKCB8071	Lê Huyền Linh	Đan	28/5/2002	Quảng Ngãi	8,33	6,83	Đạt	
19	BKCB8072	Trần Nhật	Đăng	12/3/2005	Kiên Giang	8,33	9,5	Đạt	
20	BKCB8073	Lê Đình	Danh	01/11/2004	Nghệ An	7,33	5,83	Đạt	
21	BKCB8074	Nguyễn Công	Danh	20/12/1988	Bình Thuận	8,67	8,33	Đạt	
22	BKCB8075	Nguyễn Tiến	Đạt	01/5/2004	Quảng Bình	9,67	6,17	Đạt	
23	BKCB8076	Phạm Ngọc	Đạt	26/5/2003	Quảng Bình	7,0	3,33	Không đạt	
24	BKCB8077	Đỗ Xuân	Diệu	17/10/2001	Bình Thuận	9,0	9,17	Đạt	
25	BKCB8078	Nguyễn Thị Thanh	Dịp	04/9/2004	Quảng Ngãi	10,0	8,83	Đạt	
26	BKCB8079	Lê Thị Cẩm	Dịu	12/3/2000	Thanh Hóa	10,0	6,83	Đạt	
27	BKCB8080	Lê Việt	Đức	10/7/2005	Hải Dương	8,33	7,83	Đạt	
28	BKCB8081	Trần Anh	Dũng	24/6/1995	Lào Cai	9,0	8,17	Đạt	
29	BKCB8082	Phạm Quang	Dương	22/8/1990	Đắk Lắk	7,67	7,5	Đạt	
30	BKCB8083	Dương Quang	Duy	02/6/2004	Đồng Nai	7,33	4,0	Không đạt	
31	BKCB8084	Lê Minh	Duy	04/11/1999	Tiền Giang	5,33	5,67	Đạt	
32	BKCB8085	Trần Anh	Duy	27/9/2004	Tiền Giang	8,0	5,33	Đạt	
33	BKCB8086	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/11/2022	Hà Nam	8,0	7,5	Đạt	
34	BKCB8087	Phan Thanh	Duyên	01/01/2006	Đắk Nông	9,33	9,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
35	BKCB8088	Huỳnh Ngọc Hà	Giang	24/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,33	Đạt	
36	BKCB8089	Lê Minh	Giao	09/02/1999	Sóc Trăng	8,67	5,83	Đạt	
37	BKCB8090	Lê Thị Ngọc	Giàu	20/10/2004	Bình Định	10,0	9,17	Đạt	
38	BKCB8091	Nguyễn Hồng	Hà	25/6/1997	Đắk Nông	9,33	9,67	Đạt	
39	BKCB8092	Nguyễn Thị	Hà	24/02/1999	Thanh Hóa	6,67	6,83	Đạt	
40	BKCB8093	Bùi Ngọc	Hân	27/02/2004	Long An	9,33	7,67	Đạt	
41	BKCB8094	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân	02/11/2003	Long An	6,0	5,67	Đạt	
42	BKCB8095	Tăng Lê Lệ	Hân	23/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	0,67	Không đạt	
43	BKCB8096	Trương Thị Ngọc	Hân	01/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,67	Đạt	
44	BKCB8097	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	08/11/2002	Phú Yên	7,33	6,0	Đạt	
45	BKCB8098	Lê Thị Mỹ	Hạnh	23/12/1999	Bình Định	4,0	6,67	Không đạt	
46	BKCB8099	Nguyễn Lục	Hào	04/6/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,33	Đạt	
47	BKCB8100	Cao Hữu	Hậu	22/01/1997	Đắk Lắk	10,0	9,33	Đạt	
48	BKCB8101	Đỗ Phúc	Hậu	06/6/2003	Bình Định	6,67	7,67	Đạt	
49	BKCB8102	Đỗ Thị	Hiền	19/5/2003	Bình Phước	9,33	6,83	Đạt	
50	BKCB8103	Huỳnh Văn Tấn	Hiển	21/01/1999	Tây Ninh	8,67	8,67	Đạt	
51	BKCB8104	Nguyễn Hữu	Hiệp	30/3/2001	Thừa Thiên Huế	8,33	7,0	Đạt	
52	BKCB8105	Lê Trung	Hiếu	29/5/1990	Long An	9,33	7,33	Đạt	
53	BKCB8106	Kim Thị Hồng	Hoa	05/10/2002	Trà Vinh	4,33	0,33	Không đạt	
54	BKCB8107	Cao Minh	Hoàng	11/10/2003	Tây Ninh	9,67	6,5	Đạt	
55	BKCB8108	Nguyễn Đỗ Huy	Hoàng	01/8/1998	Thanh Hóa	4,0	3,67	Không đạt	
56	BKCB8109	Nguyễn Huy	Hoàng	03/01/2003	Đắk Nông	6,0	2,67	Không đạt	
57	BKCB8110	Nguyễn Lê Ngọc	Hoàng	12/6/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,67	Đạt	
58	BKCB8111	Lê Thị Thanh	Huệ	22/12/2004	Ninh Thuận	7,67	8,83	Đạt	
59	BKCB8112	Nguyễn Thị Lan	Hương	25/10/2000	Tiền Giang	7,33	6,33	Đạt	
60	BKCB8113	Hồ Lâm	Huy	10/12/2005	Bến Tre				Vắng
61	BKCB8114	Bùi Minh	Huy	22/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	5,33	Đạt	
62	BKCB8115	Lê Thị Khánh	Huyền	31/01/2002	Thanh Hóa	4,0	0,0	Không đạt	
63	BKCB8116	Lê Thị Mỹ	Huyền	05/5/1998	Trà Vinh	10,0	7,33	Đạt	
64	BKCB8117	Vi Thị Thu	Huyền	26/6/2003	Đắk Lắk	8,67	6,83	Đạt	
65	BKCB8118	Vũ Thị Thu	Huyền	25/8/1990	Thái Bình	8,67	6,5	Đạt	
66	BKCB8119	Ngô Mộng	Huỳnh	19/10/2000	Tây Ninh	7,0	6,83	Đạt	
67	BKCB8120	Nguyễn Hoàng	Kha	23/02/1981	Đà Nẵng	6,33	5,0	Đạt	
68	BKCB8121	Đặng Tấn	Khanh	25/7/2008	Quảng Ngãi	6,33	6,33	Đạt	
69	BKCB8122	Phan Gia	Khánh	20/3/2005	Lâm Đồng	8,33	5,33	Đạt	
70	BKCB8123	Trần Gia	Khánh	18/8/1987	Hà Nội	8,0	9,33	Đạt	
71	BKCB8124	Đoàn Đình	Khoa	02/11/2003	Đắk Lắk	6,67	6,0	Đạt	
72	BKCB8125	Trần Nguyễn Đăng	Khoa	17/6/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	6,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
73	BKCB8126	Nguyễn Phú	Khương	11/7/2004	Bình Định	10,0	7,33	Đạt	
74	BKCB8127	Nguyễn Tiết Minh	Kiên	10/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,0	Đạt	
75	BKCB8128	Nguyễn Trung	Kiên	31/01/2004	Hà Nam	7,33	5,0	Đạt	
76	BKCB8129	Nguyễn Nhân	Kiệt	03/9/1997	Đồng Tháp	8,67	7,0	Đạt	
77	BKCB8130	Nguyễn Quý	Kiệt	30/8/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	
78	BKCB8131	Trần Anh	Kiệt	01/12/1999	An Giang	7,33	7,0	Đạt	
79	BKCB8132	Huỳnh Ngọc	Lan	05/9/2003	Đắk Lắk	7,33	7,17	Đạt	
80	BKCB8133	Trần Thị Hương	Liên	18/02/2002	Bắc Ninh	9,67	8,17	Đạt	
81	BKCB8134	Mai Thị Mỹ	Linh	03/12/2002	Thừa Thiên Huế	9,67	8,33	Đạt	
82	BKCB8135	Phan Huyền	Linh	16/10/2001	Tây Ninh	8,67	7,5	Đạt	
83	BKCB8136	Trần Khánh	Linh	03/02/2000	Quảng Trị	8,67	8,83	Đạt	
84	BKCB8137	Trần Lê Khánh	Linh	06/8/1998	Đắk Lắk	7,33	5,0	Đạt	
85	BKCB8138	Ngô Tấn	Lộc	27/10/1996	Tiền Giang	8,67	7,67	Đạt	
86	BKCB8139	Đỗ Hoàng Phi	Long	22/8/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,83	Đạt	
87	BKCB8140	Mai Tiến	Luật	01/11/1997	Bình Định	9,0	9,33	Đạt	
88	BKCB8141	Nguyễn Thị Trúc	Ly	15/6/2000	Ninh Thuận	6,0	6,0	Đạt	
89	BKCB8142	Phan Thanh	Min	17/9/1995	Cà Mau	9,33	9,33	Đạt	
90	BKCB8143	Biện Hoàng Nhật	Minh	10/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	5,67	Đạt	
91	BKCB8144	Mai Quang	Minh	07/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
92	BKCB8145	Nguyễn Hoàng	Minh	02/02/2004	Ninh Bình	7,33	6,0	Đạt	
93	BKCB8146	Nông Công	Minh	26/8/1999	Gia Lai	9,33	8,33	Đạt	
94	BKCB8147	Trần Khắc	Minh	01/12/2003	Bình Phước	6,67	3,0	Không đạt	
95	BKCB8148	Nguyễn Thị Anh	Nga	23/3/2005	Đắk Lắk	10,0	9,33	Đạt	
96	BKCB8149	Ngô Thị Bích	Ngân	28/02/2001	Bình Thuận	6,0	4,5	Không đạt	
97	BKCB8150	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	01/02/2004	Bình Thuận	5,67	6,5	Đạt	
98	BKCB8151	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/4/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,33	Đạt	
99	BKCB8152	Phan Thị Kim	Ngân	25/9/2000	Tây Ninh	7,33	8,83	Đạt	
100	BKCB8153	Lê Nguyễn Phương	Nghi	03/4/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	8,33	Đạt	
101	BKCB8154	Phan Đại	Nghĩa	20/9/2003	Thừa Thiên Huế	7,33	6,33	Đạt	
102	BKCB8155	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/02/2001	Vĩnh Long	7,67	7,17	Đạt	
103	BKCB8156	Nguyễn Xuân	Ngọc	14/10/1997	Bình Phước	6,33	8,33	Đạt	
104	BKCB8157	Trần Thị Kim	Ngọc	18/10/2002	Ninh Thuận	8,67	7,5	Đạt	
105	BKCB8158	Lâm Nguyễn Xuân	Nguyên	15/10/2002	Bình Thuận	9,67	7,67	Đạt	
106	BKCB8159	Nguyễn Kim	Nguyên	18/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
107	BKCB8160	Sy Gia	Nguyệt	23/4/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,67	Đạt	
108	BKCB8161	Trần Thanh	Nhã	05/6/1997	Kiên Giang	8,0	6,83	Đạt	
109	BKCB8162	Hoàng Thị Kiều	Nhân	12/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,33	Đạt	
110	BKCB8163	Dương Thị Yến	Nhi	01/7/2002	Khánh Hòa	6,67	4,33	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
111	BKCB8164	Huỳnh Bích Ngọc	Nhi	04/11/2002	Khánh Hòa	9,67	8,5	Đạt	
112	BKCB8165	Huỳnh Ngọc	Nhi	28/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
113	BKCB8166	Lê Nguyễn Hồng	Nhi	25/12/2003	Quảng Ngãi	8,0	6,5	Đạt	
114	BKCB8167	Lưu Thị Yến	Nhi	14/8/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
115	BKCB8168	Nguyễn Song	Nhi	27/11/2003	Bình Phước	9,33	8,17	Đạt	
116	BKCB8169	Nguyễn Thái Thiên	Như	30/3/2001	Cần Thơ	10,0	8,33	Đạt	
117	BKCB8170	Nguyễn Thị Yến	Như	12/12/2002	Bến Tre	9,67	7,0	Đạt	
118	BKCB8171	Trần Thị Huỳnh	Như	28/3/1997	Tiền Giang	9,0	7,83	Đạt	
119	BKCB8172	Nguyễn Phan Minh	Nhựt	02/3/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,33	Đạt	
120	BKCB8173	Nguyễn Quang	Nhựt	04/5/1989	Tiền Giang	8,33	6,67	Đạt	
121	BKCB8174	Dương Nguyễn Mỹ	Nương	07/7/2004	Cần Thơ	5,33	6,0	Đạt	
122	BKCB8175	Lê Thành	Phát	31/7/1998	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
123	BKCB8176	Tất Minh	Phát	01/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	Đạt	
124	BKCB8177	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	15/5/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	6,5	Đạt	
125	BKCB8178	Châu Ngọc	Phụng	31/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,5	Đạt	
126	BKCB8179	Đỗ Hoàng Y	Phụng	28/3/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,17	Đạt	
127	BKCB8180	Ngô Ngọc Nam	Phương	17/11/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,33	8,83	Đạt	
128	BKCB8181	Nguyễn Như Minh	Phương	27/10/2001	Bình Thuận	8,33	6,5	Đạt	
129	BKCB8182	Phạm Minh	Phương	04/10/2003	Bình Định	9,33	5,17	Đạt	
130	BKCB8183	Lư Hồng	Phượng	04/4/2002	Đồng Nai	7,33	5,67	Đạt	
131	BKCB8184	Hoàng Mai	Phương	20/01/2003	Bình Thuận	6,0	6,33	Đạt	
132	BKCB8185	Nguyễn Phan Mỹ	Quyên	13/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,67	Đạt	
133	BKCB8186	Kpă H'	Quynh	15/7/1999	Gia Lai	7,33	3,0	Không đạt	
134	BKCB8187	Lê Diễm	Quỳnh	03/10/2002	Ninh Thuận	9,33	9,17	Đạt	
135	BKCB8188	Nguyễn Như	Quỳnh	23/02/2003	Bình Định	10,0	7,0	Đạt	
136	BKCB8189	Trần Quang	Sáng	24/11/2003	Bình Thuận	5,67	6,67	Đạt	
137	BKCB8190	Mai Trung	Sơn	01/10/2004	Hải Phòng	4,33	6,33	Không đạt	
138	BKCB8191	Nguyễn Thanh	Sơn	08/7/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,67	Đạt	
139	BKCB8192	Lý Hữu	Tài	29/10/2003	Cần Thơ	7,0	5,0	Đạt	
140	BKCB8193	Văng Thị Thanh	Tâm	02/3/1995	An Giang	9,67	8,83	Đạt	
141	BKCB8194	Nguyễn Thanh	Tân	30/10/2000	Tây Ninh	8,67	8,33	Đạt	
142	BKCB8195	Phạm Quốc	Tấn	22/3/2006	Nam Định	6,33	6,5	Đạt	
143	BKCB8196	Phạm Duy	Thái	25/5/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,67	Đạt	
144	BKCB8197	Võ Hồng	Thắm	18/4/1997	Trà Vinh	9,67	9,83	Đạt	
145	BKCB8198	Đặng Ngọc Thiên	Thanh	28/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	9,33	Đạt	
146	BKCB8199	Quãng Ngọc	Thanh	29/4/2005	Bến Tre				Vắng
147	BKCB8200	Võ Diệp Đan	Thanh	05/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	Đạt	
148	BKCB8201	Nguyễn Tiến	Thành	06/5/2000	Kon Tum	5,0	7,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
149	BKCB8202	Trần Văn Sĩ	Thành	10/8/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,0	Đạt	
150	BKCB8203	Trần Thị Hạnh	Thảo	05/11/1997	Bình Thuận	10,0	9,83	Đạt	
151	BKCB8204	Trần Thị Ngọc	Thảo	13/11/2005	Bến Tre	9,0	7,67	Đạt	
152	BKCB8205	Nguyễn Bùi Khánh	Thiên	02/9/2005	Bình Dương	6,0	7,0	Đạt	
153	BKCB8206	Hoàng Ngọc Quốc	Thiện	09/6/2002	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
154	BKCB8207	Bùi Trọng	Thịnh	18/5/1999	Bình Định	9,0	9,5	Đạt	
155	BKCB8208	Đinh Tuấn	Thịnh	04/01/2005	Sóc Trăng	6,67	6,67	Đạt	
156	BKCB8209	Đặng Thị Quỳnh	Thoa	10/10/1998	Quảng Ngãi	9,33	8,0	Đạt	
157	BKCB8210	Hồ Chí	Thông	09/12/1979	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	8,67	Đạt	
158	BKCB8211	Đoàn Nguyễn Minh	Thu	12/4/2001	Ninh Thuận	7,0	7,33	Đạt	
159	BKCB8212	Nguyễn Anh	Thư	03/8/2002	Tiền Giang	5,67	5,0	Đạt	
160	BKCB8213	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	07/4/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	10,0	Đạt	
161	BKCB8214	Nguyễn Thị Minh	Thư	14/11/2003	Long An	8,33	5,33	Đạt	
162	BKCB8215	Trần Anh	Thư	19/7/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,17	Đạt	
163	BKCB8216	Võ Nguyễn Uyên	Thư	26/9/2003	Quảng Ngãi	10,0	9,33	Đạt	
164	BKCB8217	Trần Quang	Thuận	06/9/1994	Kiên Giang	9,0	9,0	Đạt	
165	BKCB8218	Bùi Thị Minh	Thuỳ	10/02/2003	Bến Tre	5,67	5,0	Đạt	
166	BKCB8219	Phan Nhật	Thuỳ	21/01/2003	Quảng Ngãi	9,0	4,0	Không đạt	
167	BKCB8220	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	28/4/2003	Bến Tre	9,33	5,17	Đạt	
168	BKCB8221	Trần Thanh	Thủy	18/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	Đạt	
169	BKCB8222	Bùi Thị Hà	Tiên	07/3/2003	Quảng Ngãi	10,0	8,5	Đạt	
170	BKCB8223	Nguyễn Hoàng Thúy	Tiên	18/3/1997	Sóc Trăng	6,33	7,5	Đạt	
171	BKCB8224	Nguyễn Quỳnh Cát	Tiên	15/4/2002	Khánh Hòa	7,0	8,5	Đạt	
172	BKCB8225	Mai Thị	Tiền	15/3/2003	Hưng Yên	7,33	5,67	Đạt	
173	BKCB8226	Lê Nguyễn Trọng	Tín	16/7/1996	Đồng Tháp	9,67	9,5	Đạt	
174	BKCB8227	Nguyễn Thị	Toàn	08/6/1998	Hà Tĩnh	9,33	6,5	Đạt	
175	BKCB8228	Nguyễn Ngọc	Trâm	06/6/1997	Đồng Tháp	4,33	0,0	Không đạt	
176	BKCB8229	Nguyễn Thị Thúy	Triêm	11/02/2000	Phú Yên	7,67	7,83	Đạt	
177	BKCB8230	Nguyễn Quốc	Triệu	30/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,17	Đạt	
178	BKCB8231	Huỳnh Thị Mỹ	Trinh	01/8/2003	Bình Dương	6,0	9,5	Đạt	
179	BKCB8232	Nguyễn Hoàng Hương	Trúc	05/9/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	6,17	Đạt	
180	BKCB8233	Đinh Tấn	Trung	06/9/2001	Long An				Vắng
181	BKCB8234	Lê Tuấn	Trung	02/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,83	Đạt	
182	BKCB8235	Nguyễn Minh	Trung	10/12/1993	Gia Lai	8,67	9,0	Đạt	
183	BKCB8236	Nguyễn Quý	Tuấn	30/8/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
184	BKCB8237	Võ Minh	Tuấn	19/8/1995	Đắk Lắk	8,33	7,33	Đạt	
185	BKCB8238	Bùi Nguyễn Kiết	Tường	02/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,67	Đạt	
186	BKCB8239	Đoàn Nhật	Tường	20/3/2004	Lâm Đồng	5,67	4,33	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
187	BKCB8240	Lê Minh	Tuyền	07/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	6,33	Đạt	
188	BKCB8241	Lê Thị Bích	Tuyền	30/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,5	Đạt	
189	BKCB8242	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	10/6/2002	Tây Ninh	9,33	9,0	Đạt	
190	BKCB8243	Nông Thị Tố	Uyên	05/3/2003	Đắk Lắk	9,67	7,0	Đạt	
191	BKCB8244	Phạm Thị Thảo	Vân	06/9/2000	Đắk Nông	7,0	8,67	Đạt	
192	BKCB8245	Trần Thị Tường	Vi	05/9/2003	Bình Thuận	9,33	8,17	Đạt	
193	BKCB8246	Võ Thị Lan	Vi	08/02/2000	Long An	8,0	9,17	Đạt	
194	BKCB8247	Nguyễn Thanh	Việt	04/01/2003	Hà Tĩnh	6,33	4,17	Không đạt	
195	BKCB8248	Đào Thành	Vinh	17/4/1996	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
196	BKCB8249	Trần Quang	Vọng	15/9/2004	Quảng Ngãi	5,67	4,5	Không đạt	
197	BKCB8250	Phạm Lâm Anh	Vũ	06/8/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,83	Đạt	
198	BKCB8251	Trần Anh	Vũ	08/5/1999	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
199	BKCB8252	Nguyễn Thị Tường	Vy	10/4/2001	An Giang	9,33	9,33	Đạt	
200	BKCB8253	Trần Ngọc Yên	Vy	20/11/2003	Bình Thuận	9,67	7,17	Đạt	
201	BKCB8254	Trần Lê Chí	Vỹ	02/7/2003	Khánh Hòa	10,0	7,17	Đạt	
202	BKCB8255	Đoàn Thị Thanh	Xuân	26/02/2002	Hà Nam	6,67	6,0	Đạt	
203	BKCB8256	Nguyễn Thị Như	Ý	14/10/2002	An Giang	9,0	8,5	Đạt	
204	BKCB8257	Phan Nguyễn Như	Ý	01/12/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,0	6,83	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh: **204** **Số thí sinh đạt:** **178**

Số lượng hiện diện: **196**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

Ngô Quang Nhựt **Thoại Nam**